bā shì

巴士

noun · bus (loanword)

Example Sentences

nà liàng cháng tú bā shì zài shān qū shī shì jiù yuán duì zhèng quán lì sōu jiù xìng cún zhě
那 辆 长 途 巴 士 在 山 区 失 事，救 援 队 正 全 力 搜 救 幸 存 者。

The long-distance bus crashed in the mountainous area, and the rescue team is making every effort to search for survivors.

zhè ge shè qū bā shì xiàn lù yùn xíng dé zhēn zhǔn shí wǒ měi tiān dōu kào tā tōng qín
这 个 社 区 巴 士 线 路 运 行 得 真 准 时，我 每 天 都 靠 它 通 勤。

This community bus line runs really on time; I rely on it for my daily commute.
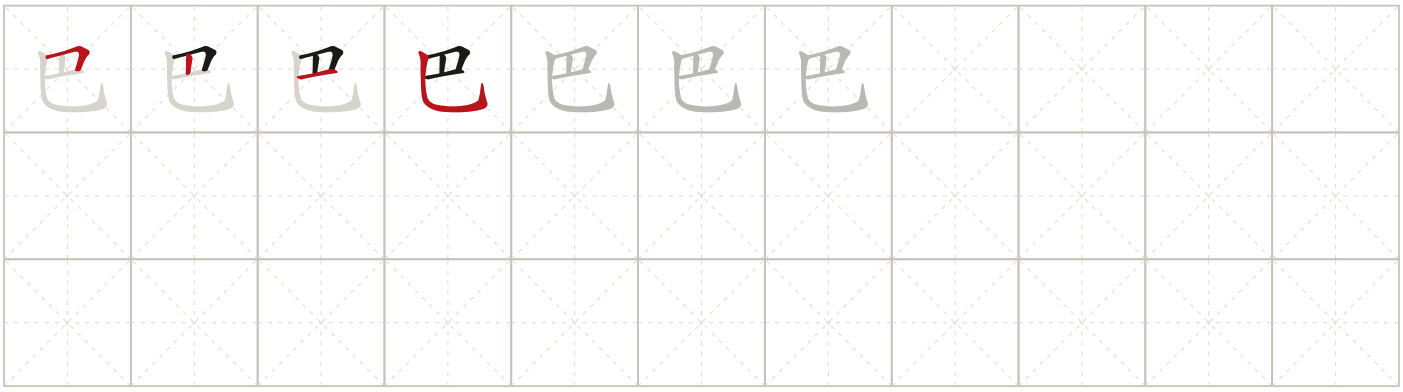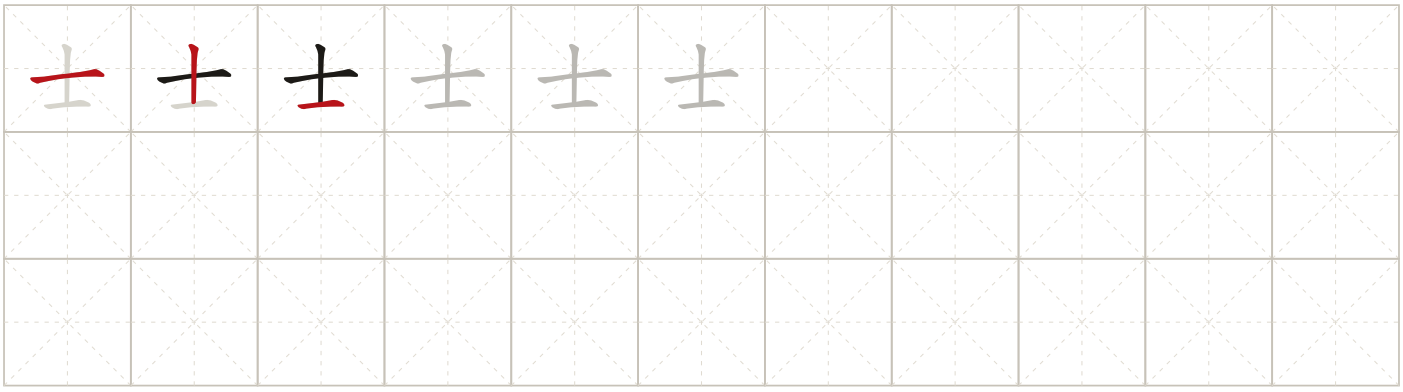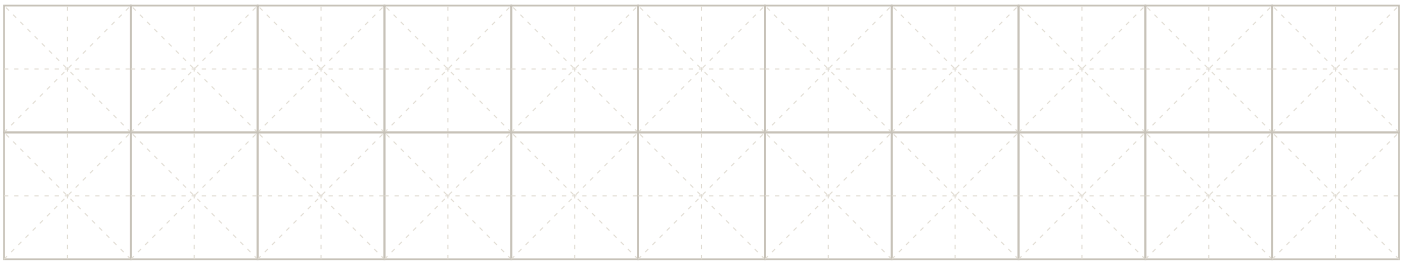
Trace each character, then write the word on your own.